

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-PT

Ngày: 04 - 01 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 134/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2022/QĐPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 147/2022/QĐPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương K, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Đường A, khu vực B, phường C, thành phố T, Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu vực D, phường E, thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần B: Bà Trần D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu vực D, phường E, thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Trần B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trương K trình bày: Vào ngày 03/11/2011, ông Trần B có vay của bà số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, có làm biên nhận, thoả thuận tính lãi suất 3%/tháng, không có thoả thuận thời gian trả. Sau khi vay tiền ông Trần B chỉ đóng lãi được 05 tháng với số tiền 15.000.000 đồng, sau đó ông B không trả tiền vốn và cũng không trả lãi tiếp cho bà đến nay. Bà đã nhiều lần đến nhà gặp ông B để yêu cầu nhưng ông B chỉ hứa hẹn mà không trả nợ cho bà như đã hứa. Nay bà Trương K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần B phải trả số tiền vay còn nợ vốn gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tính lãi suất theo mức là 20%/năm từ ngày 03/5/2012 đến nay là 199.200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi ông Trần B phải trả cho bà là 299.200.000 (hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trương K thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần B phải trả số tiền vay còn nợ vốn gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tính lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), thời gian tính lãi từ ngày 03/5/2012 đến ngày 03/7/2022.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần B đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Trần B vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Trương K có nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ là biên nhận vay tiền của ông Trần B ngày 03/11/2011 số tiền 100.000.000 đồng (bản chính). Ông Trần B không có giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 134/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần B phải có trách nhiệm trả cho bà Trương K số tiền vay còn nợ tổng cộng là 201.260.000 (hai trăm lẻ một triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trong đó: Tiền vốn gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; tiền lãi là 101.260.000 (một trăm lẻ một triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2022, ông Trần B có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện và trừ số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mà bên nguyên đơn đã thừa nhận, đồng ý trả 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng), trả dẫn mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn bà Trương K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu chấp nhận toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo ông Trần B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét nội dung kháng cáo của ông Trần B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Trương K khởi kiện yêu cầu ông Trần B trả tiền vay theo biên nhận ngày 03/11/2011 (bút lục 26) với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), thời gian tính lãi từ ngày 03/5/2012 đến ngày 03/7/2022.

Tại đơn kháng cáo ông Trần B thừa nhận có viết và ký tên tại biên nhận ngày 03/11/2011 với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) do bên nguyên đơn cung cấp. Do đó, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu của ông Trần B:

Xét thấy, ông Trần B có yêu cầu áp dụng thời hiệu sau khi có bản án của Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này không được xem xét.

[3] Đối với yêu cầu ông Trần B được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng đã đóng cho nguyên đơn vào tiền gốc 100.000.000 đồng nhưng không được bà Trương K thừa nhận. Bà Trương K cho rằng số tiền 15.000.000 đồng nhận của ông Trần B là tiền lãi và ông Trần B cũng không chứng minh được số tiền trên là trả nợ gốc cho bà Trương K nên yêu cầu của ông Trần B không có cơ sở xem xét.

[4] Từ những cơ sở phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm buộc ông Trần B có nghĩa vụ trả cho bà Trương K số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 03/11/2011 (bút lục 26) và lãi suất với số tiền 101.260.000 đồng theo quy định, tổng cộng với số tiền 201.260.000 đồng là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần B không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần B phải có trách nhiệm trả cho bà Trương K số tiền vay còn nợ tổng cộng là 201.260.000 (hai trăm lẻ một triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trong đó: Tiền vốn gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; tiền lãi là 101.260.000 (một trăm lẻ một triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần B phải chịu 10.063.000 (mười triệu không trăm sáu mươi ba nghìn) đồng. Bà Trương K được nhận lại 7.480.000 (Bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001376 ngày 11/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần B phải chịu 300.000 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trần B đã theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001578 ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 04/01/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Nghệ